

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Nghĩa Châu, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình.

2. Địa điểm đặt trụ sở chính: Số 133 thôn Nghĩa Phú Nghĩa Châu, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình

Số điện thoại: 0386999172

Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://thnghiachau.ninhbinh.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mệnh: Kiến tạo môi trường học tập an toàn, kỷ cương; cá nhân hóa lộ trình phát triển để mỗi học sinh đều có cơ hội tối đa hóa năng lực bản thân và hình thành nhân cách tốt đẹp.

- Tầm nhìn đến năm 2035: Xây dựng trường Tiểu học Nghĩa Châu trở thành "Hệ sinh thái giáo dục hạnh phúc và thông minh" ngang tầm các trường Tiểu học tại địa phương. Là nơi hội tụ của sự sáng tạo, đào tạo thế hệ học sinh làm chủ công nghệ và có kỹ năng thích ứng toàn cầu.

- Mục tiêu: Giá trị cốt lõi (07 từ vàng) "Đoàn kết - Trách nhiệm - Chính trực - Khát vọng - Nhân ái - Hợp tác - Sáng tạo".

5. Tóm tắt quá trình thành lập và phát triển

Trường Tiểu học xã Nghĩa Châu tiền thân là trường Cấp I xã Minh Châu. Năm 1957, sau cải cách ruộng đất từ một xã Minh Châu được tách thành hai xã là xã Nghĩa Minh và xã Nghĩa Châu và trường cấp I xã Nghĩa Châu được thành lập. Khi đó chỉ có một số lớp nằm rải rác ở một số thôn. Đến năm 1962, được sự quan tâm của Đảng, chính quyền địa phương đã xây dựng trường cấp I xã Nghĩa Châu tập trung về một khu chỉ có 6 phòng học với 350 học sinh. Đến năm học 1975-1976 trường cấp II và trường cấp I được sáp nhập thành trường Phổ thông cơ sở Nghĩa

Châu hệ 10 năm. Bước sang năm học 1990-1991 theo Quyết định của UBND huyện Nghĩa Hưng, trường lại tách thành trường THCS và trường Tiểu học. Mặc dù trong điều kiện kinh tế của địa phương lúc này còn gặp nhiều khó khăn nhưng với quan điểm đầu tư cho giáo dục là quốc sách hàng đầu nên Đảng, chính quyền địa phương cùng với tập thể sư phạm nhà trường đã tập trung xây dựng nên trường Tiểu học xã Nghĩa Châu được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào năm 2001. Đến năm 2010, trường được công nhận: Trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ II và thư viện chuẩn. Tiếp nối các thành tích đã đạt được, thầy và trò không ngừng phấn đấu và đến tháng 7 năm 2016 trường được công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II và chuẩn Xanh - sạch - đẹp. Và năm 2022 trường đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng mức độ 2, trường chuẩn Quốc gia mức độ 1, trường xanh - sạch - đẹp, thư viện chuẩn.

Trường luôn đạt danh hiệu Tập thể lao động Tiên tiến và Xuất sắc. Chất lượng giáo dục toàn trường luôn ổn định vững chắc, tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học, chương trình Tiểu học đạt từ 99,5% trở lên.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Khuong Thị Nhung

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Nghĩa Châu, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình

Số điện thoại: 0386999172

Gmail : khuongthinhuong@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

Trường có 01 Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định luân chuyển viên chức lãnh đạo số 3231/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 và 01 Phó hiệu trưởng, được bổ nhiệm lại theo quyết định số 4492/QĐ-UBND ngày 28/9/2022.

Trường có đủ các văn bản về: Chiến lược phát triển của nhà trường đã được phòng VH-XH xã Nghĩa Hưng phê duyệt ngày 15 tháng 01 năm 2026; quy chế dân chủ, các quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế chuyên môn, ...

II. ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Đội ngũ: Tổng số 33 cán bộ giáo viên, nhân viên. Trong đó: Cán bộ quản lý: 2; giáo viên văn hoá: 18; Giáo viên chuyên: 8; nhân viên: 3 (02 hợp đồng)

| T T | Vị trí việc làm | Số lượng | Trình độ CM | | | Nghệp vụ (QLGD) | Chính trị | Hạng CDNN | | |
|-------------|--------------------|-------------|-------------|-------------|---------------|---------------------------|--------------|--------------|-------------|------------|
| | | | Đại học | Cao đẳng | Trun g cấp | | | Hạng II | Hạng III | Hạng IV |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 | 1 | | | 1 | Trung cấp | 1 | | |
| 2 | P. Hiệu trưởng | 1 | 1 | | | 1 | Trung cấp | 1 | | |
| 3 | Giáo viên | 26 | 19 | 7 | | | | 3 | 23 | |
| 4 | NV Thư viện | 0 | | 0 | | | | | | 0 |
| 4 | NV Kế toán | | | | | | | Kế toán viên | | |
| 5 | NV Y tế | 1 | | | 1 | | | | | 1 |
| Cộng | | 29 | 21 | 7 | 1 | 2 | 2 | 5 | 23 | 1 |

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

Giáo viên:

- Trình độ Đại học: $19/19 = 100\%$

- Trình độ Cao đẳng: $7/19 = 36,8\%$

CBQL: $2/2 = 100\%$ đạt trình độ Đại học

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm.

- $26/26 = 100\%$ số cán bộ, giáo viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

PHIA
TRU
TIÊU
NGHIA
9/11

| STT | Chỉ số đánh giá | Năm báo cáo | Năm trước liền kề năm báo cáo |
|-----|--|-------------|-------------------------------|
| 1 | Diện tích đất/ người học(m ²) | 13,8 | 13,9 |
| 2 | Diện tích sàn/ người học(m ²) | 2,91 | 2,93 |
| 3 | Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt | 100% | 100% |
| 4 | Số đầu sách/ngành giáo dục | | |
| 5 | Số bản sách/người học | 1/1 | 1/1 |
| 6 | Tỉ lệ học phân sẵn sàng giảng dạy trực tuyến | 3 | 3 |
| 7 | Tốc độ Internet/1.000 người học(Mbps) | | |

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

| TT | Địa điểm | Địa chỉ | Diện tích đất(m ²) | Diện tích sàn(m ²) |
|----|------------------|--|--------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Trụ sở chính | Thôn Nghĩa Phú Nghĩa Châu, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình | 9099 | 1900 |
| 2 | Cơ sở | | | |
| 3 | Phân hiệu | | | |
| | Tổng cộng | | | |

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

| TT | Hạng mục đầu tư | Địa điểm | Kinh phí(triệu đồng) |
|----|-----------------------------|----------|-----------------------|
| 1 | Xây mới tòa nhà | | |
| 2 | Nâng cấp tòa nhà | | |
| 3 | Đầu tư mới phòng thí nghiệm | | |
| 4 | Nâng cấp phòng thí nghiệm | | |
| | Tổng cộng | | |

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên cơ sở kiểm định: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định (SGD&ĐT Nam Định)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

- Mức độ đạt kiểm định: Mức độ 1

- Thời gian hiệu lực: Từ tháng 7/2022 đến tháng 7 năm 2027

2. Danh mục được kiểm định

| Danh mục được kiểm định | Mức độ đạt được | Thời gian hiệu lực | Ghi chú |
|-------------------------|-----------------|--------------------|---------|
| Tiêu chuẩn 1 | 2 | 7/2027 | |
| Tiêu chuẩn 2 | 3 | 7/2027 | |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 | 7/2027 | |
| Tiêu chuẩn 4 | 3 | 7/2027 | |
| Tiêu chuẩn 5 | 3 | 7/2027 | |

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Chất lượng giáo dục năm học 2025-2026 (chi tiết link đính kèm)

https://drive.google.com/drive/folders/1vtrJqaB9biyD-ACr9j8dnRk_5mpp30Lj?usp=sharing

2. Cam kết chất lượng năm học 2026-2027

| STT | Nội dung | Chia theo khối lớp | | | | |
|-----|----------------------|---|---|---|---------------------------------|---|
| | | Lớp 1 | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 |
| I | Điều kiện tuyển sinh | HS có hộ khẩu thường trú + tạm trú trên địa bàn Nghĩa Châu: 125 HS + 2 HS | Tất cả hs được lên lớp 2: 136 ¹ HS | Tất cả hs được lên lớp 3: 138 ¹ hs | Tất cả hs được lên lớp 4: 135HS | Tất cả hs được lên lớp 5: 114 ¹ hs |

| | | | | | | |
|-----|--|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| | | lớp 1 lưu ban | | | | |
| II | Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện | Chương trình GDPT 2018 | Chương trình GDPT 2018 | Chương trình GDPT 2018 | Chương trình GDPT 2018 | Chương trình GDPT 2018 |
| III | Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh | Thường xuyên, tích cực học tập | Thường xuyên, tích cực học tập | Thường xuyên, tích cực học tập | Thường xuyên, tích cực học tập | Thường xuyên, tích cực học tập |
| IV | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục | Đảm bảo chuẩn | Đảm bảo chuẩn | Đảm bảo chuẩn | Đảm bảo chuẩn | Đảm bảo chuẩn |
| V | Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| VI | Khả năng học tập tiếp tục của học sinh | Theo phẩm chất và năng lực | Theo phẩm chất và năng lực | Theo phẩm chất và năng lực | Theo phẩm chất và năng lực | Theo phẩm chất và năng lực |

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề, thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật (6 tháng đầu năm)

Nhà trường đã thực hiện theo Thông tư 26 ngày 25/3/2026

2. Các khoản thu thỏa thuận với CMHS

Đơn vị triển khai theo đúng quy định, trên tinh thần công khai, tự nguyện, thống nhất và được sự đồng thuận của CM học sinh.

Các khoản thu thỏa thuận được thực hiện sau khi tổ chức họp cha mẹ học sinh, thống nhất nội dung, mức thu và phương thức thu theo quy định của cơ quan quản lý cấp trên. Việc quản lý, sử dụng các khoản thu bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và phục vụ trực tiếp cho các hoạt động giáo dục, chăm sóc học sinh.

Các khoản thu chủ yếu gồm:

Tiền vệ sinh lớp học, tiền nước uống, tiền trông coi xe đạp, tiền hoạt động KNS

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Kết quả các cuộc thi đối với HS

Tổ chức cho giáo viên, học sinh tham gia đầy đủ các cuộc thi do nhà trường và cấp trên phát động.

Kết quả tham gia các cuộc thi: Thi chữ viết đúng và đẹp cấp cụm có 2 HS đạt giải Nhất, được chọn tham gia thi cấp tỉnh.

Có 02 HS đạt giải chữ viết đúng và đẹp cấp tỉnh (01 giải Ba và 01 giải Khuyến khích)

2. Về giáo viên

- Trường có 05 sáng kiến của 06 tác giả được UBND xã công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng tại cơ sở của sáng kiến lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2026 Quyết định số: 1066/QĐ-UBND ngày 29/5/2026. Trong đó có 02 Sáng kiến kinh nghiệm của 03 tác giả được chọn dự thi cấp tỉnh.

- Có 31/33 CB, GV, NV được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, đạt 93,9%./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG

Khương Thị Nường